TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 101/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 16-4-2018
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Giao

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Văn Sơn

2. Ông Phạm Thạch Út

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Hữu Phúc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

Ngày 16 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 443/2017/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2017 về tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Phạm Thị Trúc L, sinh năm 1990; Địa chỉ: Tổ 14, ấp H, xã H, huyện C, tỉnh An Giang (có mặt).

2. Bị đơn: Nguyễn Văn D, sinh năm 1986; Địa chỉ: Tổ 14, ấp T, xã B, huyện C, tỉnh An Giang (có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 20/12/2017).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 20/12/2017, quá trình tố tụng nguyên đơn chị Phạm Thị Trúc L trình bày:

- Về hôn nhân: Chị Phạm Thị Trúc L và anh Nguyễn Văn D kết hôn vào năm 2006, có tổ chức đám cưới nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vợ chồng anh chị chung sống hạnh được khoảng 2 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng trong cuộc sống bất đồng trong việc giải quyết nội bộ gia đình, nên anh chị thường xuyên xảy ra bất hòa, gia đình không hạnh phúc. Từ tháng 6/2009, anh D và chị L ly thân đến nay. Chị L nhận thấy không còn tình cảm vợ chồng nên yêu cầu ly hôn với anh D.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Phạm Minh P, sinh ngày 22/5/2008. Hiện nay cháu P đang sống với chị L, sau khi ly hôn chị L yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

* Tại tờ tự khai ngày 20/12/2017, bị đơn anh Nguyễn Văn D trình bày:

- Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn D và chị Phạm Thị Trúc L kết hôn vào năm 2006, có tổ chức đám cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Trong cuộc sống vợ chồng, anh chị có nhiều bất đồng dẫn đến mâu thuẫn, gia đình không hạnh phúc. Anh D đồng ý ly hôn với chị L.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Phạm Minh P, sinh ngày 22/5/2008. Sau khi ly hôn anh D đồng ý cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng, anh D không cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

* Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Bị đơn có đơn xin vắng mặt và không có ý kiến bổ sung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

1.1 Về quan hệ tranh chấp: Chị Phạm Thị Trúc L có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Châu Thành giải quyết về ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự;

1.2 Về thẩm quyền giải quyết: Anh Nguyễn Văn D có nơi cư trú tại xã B, huyện C, tỉnh An Giang và đồng ý Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang giải quyết vụ án của anh chị. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

1.3 Về sự có mặt của các đương sự: Ngày 20/12/2017, anh D có đơn xin xét xử vắng mặt với lý do hiện nay đang làm ăn xa, điều kiện đi lại khó khăn. Do đó căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Toà án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[2] Về nội dung tranh chấp:

2.1 Về hôn nhân: Chị L và anh D đều trình bày, anh chị có tổ chức đám cưới nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh An Giang và Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh An Giang cũng xác nhận chị L và anh D chưa làm thủ tục đăng ký kết hôn. Hội đồng xét xử nhận thấy, chị L và anh D không đăng ký kết hôn mà có

yêu cầu ly hôn nên áp dụng khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận chị L và anh D là vợ chồng.

2.2 Về con chung: Chị L và anh D đều thống nhất trình bày, anh chị có 01 con tên Nguyễn Phạm Minh P, sinh ngày 22/5/2008. Hiện nay chị L đang nuôi dưỡng cháu P. Ngày 02/02/2018, cháu P có gửi tờ tự khai trình bày nguyện vọng được sống với mẹ sau khi ba mẹ ly hôn, anh D và chị L đều thống nhất giao cháu P cho chị L nuôi. Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại các Điều 15, Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận sự thỏa thuận của anh chị, giao cháu P cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng. Đồng thời chị L và gia đình phải tạo điều kiện cho anh D được thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung theo quy định tại Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Việc trực tiếp nuôi con có thể bị thay đổi theo quy định tại Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình. Chị L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

2.3 Về tài sản chung và nợ chung: Chị L và anh D đều thống nhất trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Chị L là nguyên đơn nên phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

[4] Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Trúc L.

- Về hôn nhân: Không công nhận chị Phạm Thị Trúc L và anh Nguyễn Văn D là vợ chồng.

- Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Phạm Minh P, sinh ngày 22/5/2008 cho chị Phạm Thị Trúc L được tiếp tục nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Văn D không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị Phạm Thị Trúc L không yêu cầu. Cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Việc nuôi con có thể bị thay đổi dựa trên cơ sở lợi ích của con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

2. Về án phí sơ thẩm: Chị Phạm Thị Trúc L phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003225 ngày 28/12/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị Trúc L được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 16/4/2018). Anh Nguyễn Văn D được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ và thi hành án Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Ngọc Giao